| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẨM THỦY**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 14/2019/QĐST-HNGĐ | *Cẩm Thủy, ngày 20 tháng 02 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị L

Địa chỉ: Tổ 6 thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Cao Văn Quyết

Địa chỉ: Tổ 6 thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 58, điều 81, điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2019

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị L sinh năm 1981

Bị đơn: Anh Cao Văn Q sinh năm 1979

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị L và anh Cao Văn Q .

- Về con cái**:** Vợ chồng thống nhất có hai con chung Cao Văn Ch, sinh ngày 14/10/2003 và Cao Huy H, sinh ngày 16/4/2007.

Công nhận sự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị L và anh Q như sau: Giao cả 02 cháu Ch và H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Q không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Hai bên thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: áp dụng khoản 3, khoản 4 điều 147 - BLTTDS, điểm a khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 26, điểm a khoản 5 điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chị L và anh Q mỗi người phải chịu 75.000đ án phí DSST. Chị L nhận nộp cả phần án phí DSST cho anh Q. Chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0003800 ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy được trừ vào tiền án phí DSST. Như vậy, chị L còn được nhận lại 150.000đ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Cẩm Thủy
- UBND TT. C, huyện C.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Vũ Thị Ánh Tuyết**